

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT-STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên Sàn UpCOM với mã NED.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Bản Pá Công, Xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 - TT14 Đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Ngu	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 31/7/2024)
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên độc lập (Chủ tịch HĐQT đến ngày 31/7/2024)
Ông Trần Đức Hậu	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
Ông Dương Văn Quyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Văn Hồ	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Trần Thị Trinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)
Ông Trần Văn Phúc	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Bùi Thị Vân	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Vũ Thị Trà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)
Bà Trần Thùy Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/7/2024)
Ông Trần Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/12/2024)
Ông Dương Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc (Tổng Giám đốc đến ngày 10/7/2024; bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 19/7/2024 sau đó Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 01/9/2024)
Ông Nguyễn Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/7/2024)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, Xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Trần Văn Ngự
Chủ tịch HĐQT

Sơn La, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Số: 176/2025/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc, được lập ngày 24/3/2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 5.14 Vốn chủ sở hữu trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2023 trong đó chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế số tiền 20.250.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 26/12/2023 của Hội đồng Quản trị về việc tạm hoãn thực hiện chia cổ tức 2022, cổ tức từ Lợi nhuận sau thuế của năm 2022 chưa được ghi nhận là Nợ phải trả số tiền 20.250.000.000 đồng.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Tiên**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5276-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
A - (100=110+130+140+150)	100		38.534.057.757	20.283.894.186
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	23.363.676.911	343.750.142
1. Tiền	111		18.863.676.911	343.750.142
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.500.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.742.943.881	17.952.046.487
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.478.220.195	7.972.961.820
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		416.346.500	74.250.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.848.377.186	9.904.834.667
IV. Hàng tồn kho	140		1.705.657.298	1.724.346.675
1. Hàng tồn kho	141	5.4	1.705.657.298	1.724.346.675
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		721.779.667	263.750.882
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	721.779.667	263.750.882
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		689.058.537.287	709.708.602.585
II. Tài sản cố định	220		548.697.562.785	566.467.322.652
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	548.697.562.785	566.467.322.652
- Nguyên giá	222		769.161.128.861	770.304.488.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(220.463.566.076)	(203.837.166.209)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	-	-
- Nguyên giá	228		360.000.000	360.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(360.000.000)	(360.000.000)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	130.679.860.000	130.032.929.930
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		130.679.860.000	98.982.929.930
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	31.050.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.681.114.502	13.208.350.003
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	9.681.114.502	13.208.350.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		727.592.595.044	729.992.496.771
(270 = 100+200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		241.151.509.019	271.396.480.075
I. Nợ ngắn hạn	310		87.919.563.978	80.483.905.754
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	7.746.958.573	10.717.474.032
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	3.724.812.435	5.368.751.152
4. Phải trả người lao động	314		1.519.497.372	1.867.062.650
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	282.345.124	527.584.204
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	47.873.668.423	5.857.516.539
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	24.929.020.000	54.291.555.126
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.843.262.051	1.853.962.051
II. Nợ dài hạn	330		153.231.945.041	190.912.574.321
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.13	152.138.640.000	189.643.340.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.093.305.041	1.269.234.321
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		486.441.086.025	458.596.016.696
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	486.441.086.025	458.596.016.696
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		405.000.000.000	405.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		405.000.000.000	405.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.545.454.545	2.545.454.545
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.814.857.755	50.893.802.471
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		50.870.609.935	47.445.838.468
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.944.247.820	3.447.964.003
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		80.773.725	156.759.680
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		727.592.595.044	729.992.496.771

Người lập



Đoàn Văn Hiếu

Kế toán trưởng



Đoàn Văn Hiếu

Sơn La, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch HĐQT



Trần Văn Ngự

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	86.951.417.702	72.655.758.161
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		86.951.417.702	72.655.758.161
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	34.870.108.486	33.492.374.113
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		52.081.309.216	39.163.384.048
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.667.527.335	2.853.916
7. Chi phí tài chính	22	6.4	19.137.420.797	27.644.427.925
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.824.735.459	27.607.770.026
8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		17.070.070	(1.909.144)
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.682.697.787	5.812.443.832
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		29.945.788.037	5.707.457.063
12. Thu nhập khác	31	6.6	44.037.550	39.232.755
13. Chi phí khác	32	6.6	686.009.682	502.146.798
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(641.972.132)	(462.914.043)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		29.303.815.905	5.244.543.020
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.534.675.856	1.465.674.024
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	(175.929.280)	337.536.356
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		27.945.069.329	3.441.332.640
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		27.944.247.820	3.447.964.003
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		821.509	(6.631.363)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	690	85

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 24 tháng 3 năm 2025
 Chủ tịch HĐQT


 Đoàn Văn Hiếu


 Đoàn Văn Hiếu


 Trần Văn Ngự

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		29.303.815.905	5.244.543.020
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		17.269.654.168	17.376.384.966
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		312.685.338	36.657.899
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.688.825.864)	(944.772)
- Chi phí lãi vay	06		18.824.735.459	27.607.770.026
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		62.022.065.006	50.264.411.139
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.086.960.550	5.205.482.289
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		18.689.377	494.049.235
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		37.104.992.661	1.792.954.026
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.069.206.716	2.504.964.413
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.043.830.940)	(27.649.495.447)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.461.240.024)	(356.022.588)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	39.232.755
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(10.700.000)	(154.595.973)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		87.786.143.346	32.140.979.849
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36.380.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		540.714.158	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(134.829.860.000)	(18.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		136.880.415.000	24.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.254.391	2.853.916
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.564.143.549	5.502.853.916
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(66.867.235.126)	(37.333.764.874)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(463.125.000)	(188.385.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(67.330.360.126)	(37.522.149.874)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		23.019.926.769	121.683.891
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		343.750.142	222.066.251
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	23.363.676.911	343.750.142

Người lập

Kế toán trưởng


Đoàn Văn Hiếu


Đoàn Văn Hiếu

Sơn La, ngày 24 tháng 3 năm 2025
Chủ tịch HĐQT

Trần Văn Ngự

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2403000107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 16/6/2006, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 22 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La ngày 31/7/2024 với mã số doanh nghiệp 5500271984 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NORTH-WEST ELECTRIC INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT - STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 31/7/2024 là: 405.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm lẻ năm tỷ đồng chẵn).

Tên viết tắt: NEDEN., JSC.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã NED.

Trụ sở chính của Công ty: Bản Pá Công, Xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: B44 – TT14 Đô thị Văn Quán - Yên Phúc, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng lao động của Công ty mẹ và Công ty con tại ngày 31/12/2024 là 51 người (tại ngày 31/12/2023 là 50 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư xây lắp công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện;
- Và một số ngành nghề kinh doanh khác theo đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La	Bản Pá Công, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Kinh doanh điện năng	99,91%	99,91%	99,91%
Công ty liên kết					
Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc	679 Quang Trung, Quảng Thịnh, Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình	Lô A2, Khu công nghiệp Khánh Phú, Xã Ninh Phúc, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh	Đúc sắt, thép	39,96%	39,96%	39,96%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính ngày 31/12/2024 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính ngày 31/12/2024 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc, Công ty con là Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Công Sơn La.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác***

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Hệ thống đập Nhà máy thủy điện	47 - 48
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Tổ máy phát điện	47 - 48
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá trị phần mềm tin học, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 03 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời gian bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản và chi phí khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí khác: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện.

Doanh thu bán điện

Doanh thu cung cấp điện được ghi nhận dựa trên “Biên bản xác nhận chỉ số công tơ và sản lượng điện năng” hàng tháng với Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Tiếp theo)

Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty con được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án Đầu tư các nhà máy thủy điện như sau: Áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2018 (từ năm 2018 đến hết năm 2032); Miễn thuế 4 năm kể từ năm 2018 (từ năm 2018 đến hết năm 2021); Giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2022 đến hết năm 2030). Năm 2024 là năm thứ 7 Công ty con được ưu đãi áp dụng thuế suất 10% thuế thu nhập doanh nghiệp và giảm 50% số thuế phải nộp. Việc xác định thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng khoản đầu tư không được hưởng ưu đãi trên.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động chính là sản xuất kinh doanh điện trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	7.030.671	327.260.212
Tiền gửi ngân hàng	18.856.646.240	16.489.930
Các khoản tương đương tiền	4.500.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	4.500.000.000	-
Tổng	23.363.676.911	343.750.142

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/24/VCB.NCSL ngày 25/12/2024 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Gia Lai số tiền 4.500.000.000 đồng, kỳ hạn 01 tháng, lãi suất 3,5%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	9.478.220.195	7.972.961.820
Tổng Công ty Điện lực miền Bắc - Tập đoàn	9.478.220.195	7.972.961.820
Điện lực Việt Nam		
Tổng	9.478.220.195	7.972.961.820

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	2.848.377.186	-	9.904.834.667	-
Tạm ứng	1.933.000.087	-	9.179.180.002	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	7.000.000	-	138.874.500	-
Phải thu lãi chậm thanh toán	877.857.944	-	-	-
thanh lý khoản đầu tư (*)	30.519.155	-	586.780.165	-
Phải thu khác				
Tổng	2.848.377.186	-	9.904.834.667	-

Trong đó:

*Phải thu khác là các bên liên
quan (Chi tiết tại Thuyết
minh 7.1)*

877.857.944	-	-	-
-------------	---	---	---

(*) Khoản tiền lãi suất chậm thanh toán tính trên số tiền thanh toán chậm về khoản chuyển nhượng Cổ phần của Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc và Công ty cổ phần SHP Ninh Bình giữa Công ty và Ông Trần Văn Huyền với mức lãi suất 9%/năm.

5.4 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	657.426.558	-	669.066.094	-
Công cụ, dụng cụ	1.048.230.740	-	1.055.280.581	-
Tổng	1.705.657.298	-	1.724.346.675	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	721.779.667	263.750.882
Công cụ, dụng cụ	-	34.119.998
Chi phí bảo hiểm công trình	219.104.571	229.630.884
Chi phí sửa chữa văn phòng	322.798.612	-
Chi phí chờ phân bổ khác	179.876.484	-
Dài hạn	9.681.114.502	13.208.350.003
Phí tư vấn giá trị Rers (Dự án Nậm Công, Nậm Sỏi, Nậm Chiến)	774.507.281	889.249.097
Chi phí trùng tu sửa chữa lớn các nhà máy	4.704.580.817	6.216.594.989
Chi phí gia công thiết bị cơ khí phục vụ NMTĐ Nậm Công, Nậm Sỏi	1.222.900.988	1.775.825.996
Chi phí nạo vét lòng hồ NMTĐ Nậm Sỏi	443.351.260	920.017.924
Chi phí cấp Giấy phép sử dụng nước mặt	194.308.414	269.874.274
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	2.341.465.742	3.136.787.723
Tổng	10.402.894.169	13.472.100.885

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TỬ TÂY BẮC
Bản Pá Công, xã Huổi Mốt, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.6 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2024	526.796.385.608	236.039.449.968	6.079.866.330	1.388.786.955	770.304.488.861
Tăng trong năm	36.380.000	-	-	-	36.380.000
Mua trong năm	36.380.000	-	-	-	36.380.000
Giảm trong năm	-	-	1.179.740.000	-	1.179.740.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.179.740.000	-	1.179.740.000
Số dư tại 31/12/2024	526.832.765.608	236.039.449.968	4.900.126.330	1.388.786.955	769.161.128.861
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2024	135.469.153.198	65.257.064.474	1.722.161.582	1.388.786.955	203.837.166.209
Tăng trong năm	11.515.597.963	5.330.879.858	423.176.347	-	17.269.654.168
Khấu hao trong năm	11.515.597.963	5.330.879.858	423.176.347	-	17.269.654.168
Giảm trong năm	-	-	643.254.301	-	643.254.301
Thanh lý, nhượng bán	-	-	643.254.301	-	643.254.301
Số dư tại 31/12/2024	146.984.751.161	70.587.944.332	1.502.083.628	1.388.786.955	220.463.566.076
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2024	391.327.232.410	170.782.385.494	4.357.704.748	-	566.467.322.652
Tại 31/12/2024	379.848.014.447	165.451.505.636	3.398.042.702	-	548.697.562.785

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2024 là 548.541.902.605 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 566.285.719.108 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2024 là 9.481.374.191 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 9.400.274.191 đồng).



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phản mềm tin học VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2024	360.000.000	360.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2024	360.000.000	360.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2024	360.000.000	360.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2024	360.000.000	360.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2024	-	-
Tại 31/12/2024	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 360.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 360.000.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
Bản Pá Công, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- Chuyển nhượng 3.690.000 cổ phần tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc tương đương 30% vốn điều lệ cho ông Trần Văn Huyền Giá trị chuyển nhượng là 76.729.860.000 đồng (Tương ứng 20.794 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc. Thời hạn thanh toán hết số tiền theo hợp đồng chuyển nhượng trước ngày 26/4/2025. Hợp đồng chuyển nhượng được thanh lý sau khi ông Trần Văn Huyền hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

(2): Bao gồm các giao dịch:

- Nhận chuyển nhượng 5.800.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình tương đương 12,6% vốn điều lệ từ Ông Trần Văn Huyền với giá trị chuyển nhượng là 58.000.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 18/3/2024 của Hội đồng Quản trị về việc đầu tư mua cổ phần Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình.
- Chuyển nhượng 405.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình tương đương 3% vốn điều lệ cho Ông Trần Văn Hường với giá trị chuyển nhượng là 4.050.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 06-2/NQ-HĐQT ngày 17/6/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái một phần vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình.
- Chuyển nhượng 5.395.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình tương đương 39,963% vốn điều lệ cho ông Trần Văn Huyền với giá trị chuyển nhượng là 53.950.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 05/7/2024 của Hội đồng Quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình. Thời hạn thanh toán hết số tiền theo hợp đồng chuyển nhượng trước ngày 30/12/2024. Hợp đồng đã được thanh lý tại ngày 27/02/2025.

- (3): Chuyển nhượng 3.105.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Mộc Châu tương đương 15% vốn điều lệ cho Ông Trần Văn Hường với giá trị chuyển nhượng là 31.050.000.000 đồng (Tương ứng 10.000 đồng/cổ phần) theo Nghị quyết số 06-1/NQ-HĐQT ngày 17/6/2024 của Hội đồng quản trị về việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Mộc Châu.

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

VIỆT NAM
TÀI CHÍNH
NGÂN HÀNG
TÂY BẮC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.9 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	7.746.958.573	7.671.226.446	10.717.474.032	10.717.474.032
Công ty TNHH CN nặng quảng phát Nam Ninh	2.608.527.141	2.608.527.141	2.371.573.930	2.371.573.930
Swiss Carbon Assets Ltd	1.718.611.362	1.642.879.235	1.642.879.235	1.642.879.235
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	3.000.000.000	3.000.000.000	6.300.000.000	6.300.000.000
Phải trả người bán khác	419.820.070	419.820.070	403.020.867	403.020.867
Tổng	7.746.958.573	7.671.226.446	10.717.474.032	10.717.474.032

Trong đó:

Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH CN nặng quảng phát Nam Ninh	2.608.527.141	2.608.527.141	2.371.573.930	2.371.573.930
Tổng	2.608.527.141	2.608.527.141	2.371.573.930	2.371.573.930

5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024
Phải nộp	5.368.751.152	20.467.383.716	22.111.322.433	3.724.812.435
Thuế giá trị gia tăng	2.210.276.845	7.480.806.210	8.882.583.464	808.499.591
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.461.240.024	1.534.675.856	1.461.240.024	1.534.675.856
Thuế thu nhập cá nhân	313.665.856	158.408.193	101.933.497	370.140.552
Thuế tài nguyên	336.561.503	7.763.471.129	7.741.508.876	358.523.756
Các loại thuế khác	1.047.006.924	3.521.339.628	3.915.373.872	652.972.680
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	8.682.700	8.682.700	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.11 Chi phí phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuê kênh trắng Viettel	13.636.364	13.636.364
Lãi vay phải trả	179.852.359	398.947.840
Chi phí khác	88.856.401	115.000.000
Tổng	282.345.124	527.584.204

5.12 Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	47.873.668.423	5.857.516.539
Kinh phí công đoàn	394.298.590	399.170.706
Phải trả công tác Đảng	77.004.904	77.004.904
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	551.363.637	950.363.637
Phải trả tiền cổ tức	2.743.164.000	3.206.289.000
Khoản chi khen thưởng về việc hoàn thành dự án	1.000.000.000	1.000.000.000
Ông Trần Văn Huyền (*)	42.679.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	428.837.292	224.688.292
Tổng	47.873.668.423	5.857.516.539

Trong đó:

Phải trả khác là các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

42.679.000.000

-

(*) Khoản đặt cọc của Ông Trần Văn Huyền về việc ông Trần Văn Huyền nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty TNHH đầu tư Trường Đại Lộc và Công ty cổ phần SHP Ninh Bình từ Công ty. Theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng và Phụ lục kèm theo, ông Huyền sẽ chịu lãi chậm thanh toán trên giá trị chưa thanh toán theo Phụ lục hợp đồng. Hợp đồng chuyển nhượng và Phụ lục kèm theo được thanh lý sau khi ông Trần Văn Huyền hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13	Vay và nợ thuế tài chính	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024		Đơn vị tính: VND
		Số có khả		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả	
		Giá trị	năng trả nợ					
a)	Vay ngắn hạn	24.929.020.000	24.929.020.000	22.163.020.000	51.525.555.126	54.291.555.126	54.291.555.126	
	Vay dài hạn đến hạn trả	24.929.020.000	24.929.020.000	22.163.020.000	51.525.555.126	54.291.555.126	54.291.555.126	
(1)	Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	8.000.000.000	8.000.000.000	174.000.000	33.865.395.126	41.691.395.126	41.691.395.126	
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	4.840.000.000	4.840.000.000	-	15.521.395.126	20.361.395.126	20.361.395.126	
	Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	4.840.000.000	4.840.000.000	-	15.521.395.126	20.361.395.126	20.361.395.126	
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	3.160.000.000	3.160.000.000	174.000.000	18.344.000.000	21.330.000.000	21.330.000.000	
	Hợp đồng số 01/2009/NC-HĐTD (1.1)	3.160.000.000	3.160.000.000	-	17.843.000.000	21.003.000.000	21.003.000.000	
	Hợp đồng số 02/2012/HĐTDNC (1.2)	-	-	174.000.000	501.000.000	327.000.000	327.000.000	
(2)	Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	9.000.000.000	9.000.000.000	14.060.000.000	10.180.000.000	5.120.000.000	5.120.000.000	
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	4.590.000.000	4.590.000.000	6.940.000.000	4.700.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000	
	Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	4.590.000.000	4.590.000.000	6.940.000.000	4.700.000.000	2.350.000.000	2.350.000.000	
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	4.410.000.000	4.410.000.000	7.120.000.000	5.480.000.000	2.770.000.000	2.770.000.000	
	Hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD (2.1)	3.302.000.000	3.302.000.000	5.952.000.000	5.300.000.000	2.650.000.000	2.650.000.000	
	Hợp đồng số 02/2012/HĐTDNS (2.2)	1.108.000.000	1.108.000.000	1.168.000.000	180.000.000	120.000.000	120.000.000	
(3)	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đồng Đô	229.020.000	229.020.000	229.020.000	380.160.000	380.160.000	380.160.000	
	Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME	229.020.000	229.020.000	229.020.000	380.160.000	380.160.000	380.160.000	
(4)	Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công 5	7.700.000.000	7.700.000.000	7.700.000.000	7.100.000.000	7.100.000.000	7.100.000.000	
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ (4)	7.700.000.000	7.700.000.000	7.700.000.000	7.100.000.000	7.100.000.000	7.100.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
Bản Pá Công, xã Huổi Mốt, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Vay dài hạn	152.138.640.000	152.138.640.000	6.260.000.000	43.764.700.000	189.643.340.000	189.643.340.000
(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công	38.877.000.000	38.877.000.000	6.260.000.000	184.540.000	32.801.540.000	32.801.540.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	23.657.515.000	23.657.515.000	3.186.000.000	-	20.471.515.000	20.471.515.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HBTD (1.1)	23.657.515.000	23.657.515.000	3.186.000.000	-	20.471.515.000	20.471.515.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình	15.219.485.000	15.219.485.000	3.074.000.000	184.540.000	12.330.025.000	12.330.025.000
Hợp đồng số 01/2009/NC-HBTD (1.1)	15.219.485.000	15.219.485.000	3.074.000.000	-	12.145.485.000	12.145.485.000
Hợp đồng số 02/2012/HBTDNC (1.2)	-	-	-	184.540.000	184.540.000	184.540.000
(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi	67.617.400.000	67.617.400.000	-	35.500.000.000	103.117.400.000	103.117.400.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La	34.526.000.000	34.526.000.000	-	18.040.000.000	52.566.000.000	52.566.000.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HBTD (2.1)	34.526.000.000	34.526.000.000	-	18.040.000.000	52.566.000.000	52.566.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	33.091.400.000	33.091.400.000	-	17.460.000.000	50.551.400.000	50.551.400.000
Hợp đồng số 01/2009/NS-HBTD (2.1)	33.091.400.000	33.091.400.000	-	14.002.000.000	47.093.400.000	47.093.400.000
Hợp đồng số 02/2012/HBTDNS (2.2)	-	-	-	3.458.000.000	3.458.000.000	3.458.000.000
(3) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đồng Độ	94.240.000	94.240.000	-	380.160.000	474.400.000	474.400.000
Hợp đồng số 220321-6366794-01-SME (3)	94.240.000	94.240.000	-	380.160.000	474.400.000	474.400.000
(4) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Công 5	45.550.000.000	45.550.000.000	-	7.700.000.000	53.250.000.000	53.250.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Sông Nhuệ (4)	45.550.000.000	45.550.000.000	-	7.700.000.000	53.250.000.000	53.250.000.000
Tổng	177.067.660.000	177.067.660.000	28.423.020.000	95.290.255.126	243.934.895.126	243.934.895.126

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
Bản Pá Công, xã Huồi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Dự án nhà máy Thủy điện Nậm Công

(1.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NC-HETD ngày 08/9/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01/2024/1253105/SĐBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 183.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công;
- Thời hạn vay: 228 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần.

(1.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HETDNC ngày 29/6/2012 Phụ lục hợp đồng số 02/2024/1253105/SĐBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Ba Đình do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối, bao gồm các điều khoản sau:

- Hạn mức vay tối đa: 15.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Công;
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 27/9/2024;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Công là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Công và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 275.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sơn La (56%)	36.400.000.000	117.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (44%)	28.600.000.000	92.400.000.000
Tổng	65.000.000.000	210.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TỬ BẮC

Bản Pá Công, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(2) Dự án Nhà máy Thủy điện Nậm Sỏi

(2.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2009/NS-HĐTD ngày 08/9/2009 và Phụ lục hợp đồng số 03/2024/1253105/SĐBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La, Chi nhánh Thanh Xuân do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La làm đầu mối và Hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD ngày 29/3/2013 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2009/NS-HĐTD là 167.000.000.000 VND; Hạn mức vay tối đa của hợp đồng số 01/2013/NS-HĐTD là 10.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí xây lắp, thiết bị và một phần chi phí đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Nậm Sỏi;
- Thời hạn vay: 234 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần.

(2.2) Hợp đồng tín dụng số 02/2012/NS-HĐTD ngày 29/6/2012 và Phụ lục hợp đồng số 04/2024/1253105/SĐBS ngày 30/8/2024 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La bao gồm các điều khoản chính sau:

- Hạn mức vay tối đa: 6.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Dùng để cơ cấu lại tài chính (vay lãi nhập gốc);
- Thời hạn vay: kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày 27/9/2025;
- Lãi suất được tính theo lãi suất thả nổi được điều chỉnh 06 tháng một lần.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Nhà máy thủy điện Nậm Sỏi là toàn bộ máy móc thiết bị, công trình xây dựng của nhà máy thủy điện Nậm Sỏi và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư với dự án. Giá trị tài sản thế chấp được định giá đến ngày 01/7/2015 là 225.000.000.000 VND. Trong đó phân bổ cho các Ngân hàng tham gia tài trợ vốn như sau:

Ngân hàng	Động sản	Bất động sản
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	23.400.000.000	93.600.000.000
- CN Sơn La (52%)		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	21.600.000.000	86.400.000.000
- CN Ba Đình (48%)		
Tổng	45.000.000.000	180.000.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC

Bản Pá Công, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.13 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(3) Hợp đồng cho vay số 220321-6366794-01-SME ngày 23/3/2021 tại Hà Nội giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc số tiền cho vay là 1.900.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 60 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích sử dụng: Thanh toán một phần tiền mua 02 xe ô tô theo Hợp đồng mua bán số 0103-05/2021/HĐMB-TG ngày 01/3/2021. Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất được thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Khách hàng theo từng Khế ước nhận nợ. Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 220321-6366794-01-SME/TC ngày 23/3/2021 là 2 xe ô tô nhãn hiệu Ford.

(4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng cho vay Dự án đầu tư số 01/2017-HDCVDADT/NHCT322-NCSL ngày 12 tháng 09 năm 2017 với số tiền tối đa là 90.000.000.000 đồng và không vượt quá 69,8% tổng chi phí đầu tư thực tế (không gồm VAT). Thời hạn vay tối đa 156 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên không vượt quá 31/08/2030. Hình thức cho vay: Cho vay theo từng lần theo dự án đầu tư. Lãi suất của hợp đồng là lãi suất điều chỉnh, được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuê theo hợp đồng thế chấp số 01/2017/HDTODA/NHCT322-NCSL-NAMCONG5 ngày 08 tháng 9 năm 2017 và động sản theo hợp đồng thế chấp số 02/2017/HDTODA/NHCT322-NCSL-NAMCONG5 ngày 08 tháng 9 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN TÂY BẮC
Bản Pá Công, xã Huổi Một, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	405.000.000.000	2.545.454.545	47.445.838.468	163.391.043	455.154.684.056
Lãi trong năm trước	-	-	3.447.964.003	(6.631.363)	3.441.332.640
Số dư tại 31/12/2023	405.000.000.000	2.545.454.545	50.893.802.471	156.759.680	458.596.016.696
Số dư tại 01/01/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	50.893.802.471	156.759.680	458.596.016.696
Lãi trong năm nay	-	-	27.944.247.820	821.509	27.945.069.329
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	(23.192.536)	(76.807.464)	(100.000.000)
Số dư tại 31/12/2024	405.000.000.000	2.545.454.545	78.814.857.755	80.773.725	486.441.086.025

Đơn vị tính: VND

Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Cổ tức từ Lợi nhuận sau thuế của năm 2022 chưa được ghi nhận là Nợ phải trả số tiền 20.250.000.000 đồng do theo Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT ngày 26/12/2023 của Hội đồng Quản trị về việc tạm hoãn thực hiện chia cổ tức 2022.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ông Trần Văn Ngự	139.378.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển An Khánh Hưng	63.170.000.000	-
Ông Trần Văn Huyền	-	22.551.500.000
Các cổ đông khác	202.451.500.000	382.448.500.000
Tổng	405.000.000.000	405.000.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

5.14 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	405.000.000.000	405.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	405.000.000.000	405.000.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.500.000	40.500.000
Cổ phiếu phổ thông	40.500.000	40.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	86.951.417.702	65.694.837.729
Doanh thu chứng chỉ CERS	-	6.960.920.432
Tổng	86.951.417.702	72.655.758.161

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn điện thương phẩm	34.870.108.486	32.129.931.784
Giá vốn chứng chỉ CERS	-	1.362.442.329
Tổng	34.870.108.486	33.492.374.113

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.254.391	2.853.916
Lãi bán các khoản đầu tư	2.780.415.000	-
Lãi chậm thanh toán thanh lý khoản đầu tư (*)	877.857.944	-
Tổng	3.667.527.335	2.853.916

Trong đó: Doanh thu tài chính với các bên liên quan
(Chỉ tiết tại Thuyết minh 7.1)

877.857.944 -

(*) Khoản tiền lãi suất chậm thanh toán tính trên số tiền thanh toán chậm về khoản chuyển nhượng Cổ phần của Công ty TNHH đầu tư Trường Đại Lộc và Công ty cổ phần SHP Ninh Bình giữa Công ty và Ông Trần Văn Huyền với mức lãi suất 9%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền vay	18.824.735.459	27.607.770.026
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	312.685.338	36.657.899
Tổng	19.137.420.797	27.644.427.925

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.682.697.787	5.812.443.832
Chi phí nhân viên quản lý	4.028.133.187	3.537.862.302
Chi phí vật liệu quản lý	194.956.795	10.678.094
Chi phí đồ dùng văn phòng	389.794.344	61.085.456
Chi phí khấu hao TSCĐ	299.554.646	402.906.342
Thuế phí và lệ phí	77.640.784	57.194.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.116.945.254	1.239.806.147
Chi phí bằng tiền khác	575.672.777	502.911.312
Tổng	6.682.697.787	5.812.443.832

6.6 Thu nhập khác/chi phí khác

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập từ bán chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính	-	39.232.755
Nhà máy Thủy điện Nậm Chiến		
Thanh lý tài sản	4.228.459	-
Thanh lý vật tư thiết bị cũ hỏng	39.809.091	-
Tổng	44.037.550	39.232.755
Chi phí khác		
Lệ phí nộp cho Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	-	89.341.776
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm, truy thu thuế	346.000.456	376.917.917
Các khoản bị phạt liên quan đến nghĩa vụ thuế	36.237.085	28.292.760
Chi ủng hộ	300.000.000	-
Chi phí khác	3.772.141	7.594.345
Tổng	686.009.682	502.146.798
Lợi nhuận khác	(641.972.132)	(462.914.043)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.534.675.856	1.465.674.024
Tổng	1.534.675.856	1.465.674.024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(175.929.280)	337.536.356
Tổng	(175.929.280)	337.536.356

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.945.069.329	3.441.332.640
Lợi ích của cổ đông thiểu số	821.509	(6.631.363)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.944.247.820	3.447.964.003
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	40.500.000	40.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	690	85

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.480.959.626	1.749.705.663
Chi phí nhân công	14.388.813.152	10.145.091.779
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.269.654.168	17.376.384.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.544.691.680	8.895.468.438
Chi phí khác bằng tiền	1.775.435.386	1.138.167.099
Tổng	41.459.554.012	39.304.817.945

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư Trường Đại Lộc	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần SHP Ninh Bình	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND (Trình bày lại)
Lương và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác	Lương và thù lao	3.110.046.161	1.708.147.382

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND (Trình bày lại)
Hội đồng Quản trị			
Trần Văn Ngự	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 31/7/2024)	336.948.667	-
Trần Thị Hằng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)	257.902.000	-
Trần Văn Huyền	Thành viên độc lập (Chủ tịch HĐQT đến ngày 31/7/2024)	216.531.409	308.854.286
Dương Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 26/7/2024, Tổng Giám đốc đến ngày 10/7/2024 sau đó bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ ngày 19/7/2024)	207.059.381	287.648.857
Trần Đức Hậu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	30.000.000	60.000.000
Ban Tổng Giám đốc			
Phạm Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 10/7/2024)	239.902.000	-
Trần Văn Thao	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/12/2024)	255.682.735	-
Đào Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/07/2023)	-	122.725.444
Nguyễn Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/7/2024)	123.855.571	212.052.480
Ban Kiểm soát			
Lưu Văn Hồ	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)	206.363.559	-
Trần Thị Trinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)	30.000.000	-
Trần Văn Phúc	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)	241.598.286	-
Bùi Thị Vân	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	30.000.000	60.000.000
Vũ Thị Trà	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	214.807.412	214.208.338
Trần Thuỷ Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/7/2024)	62.340.000	121.963.385
Đặng Thị Huyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/6/2023)	112.282.234	106.613.180
Người quản lý khác			
Nguyễn Thị Thu Hằng	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 10/7/2024)	134.218.000	214.081.412
Phạm Văn Thoả	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 10/7/2024 và miễn nhiệm ngày 02/11/2024)	282.482.863	-
Đoàn Văn Hiếu	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 02/11/2024)	128.072.044	-
Tổng		3.110.046.161	1.708.147.382

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên HĐQT	Lãi chậm thanh toán thanh lý khoản đầu tư	877.857.944	-
		Cọc mua khoản đầu tư	42.679.000.000	-
		Chuyển nhượng khoản đầu tư	58.100.000.000	-

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả khác			42.679.000.000	-
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên HĐQT	Cọc mua khoản đầu tư	42.679.000.000	-
Phải thu khác			877.857.944	-
Ông Trần Văn Huyền	Thành viên HĐQT	Lãi chậm thanh toán thanh lý khoản đầu tư	877.857.944	-

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Kế toán trưởng

Sơn La, ngày 24 tháng 3 năm 2025

Chức tịch HĐQT



Đoàn Văn Hiếu



Đoàn Văn Hiếu



Trần Văn Ngự